

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 101/2022/HS-ST

Ngày 22/04/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Liên

2. Ông Nguyễn Hưng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Dịu - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tinh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22/04/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2022/HSST ngày 24/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HS ngày 12/4/2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Thị Kim H; Giới tính:Nữ; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1972; Tại: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 59/44 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông: Phan Văn Ch (đã chết); Con bà: Trần Thị L (đã chết).

Bị cáo có chồng là Lữ Tấn A, sinh năm: 1965 có 01 con là Lữ Thành Đ, sinh năm 1996. Hiện trú tại: 59/44 đường H, phường T, thành phố B.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Phan Thị Kim H bị tạm giữ từ ngày 18/12/2021 đến ngày 27/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đặng Thị Song X, sinh năm 1982. Địa chỉ: 11A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975. Địa chỉ: 144 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958. Địa chỉ: 169/2 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4/ Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1983. Địa chỉ: 133/6b đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

5/ Bà Đinh Thị Mai C, sinh năm 1984. Địa chỉ: 26 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

6/ Bà Trần Thị D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 133/01 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

7/ Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1961. Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

8/ Ông Lữ Tấn A, sinh năm: 1965. Địa chỉ: 59/44 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phối hợp với Công an phường T, thành phố B tiến hành kiểm tra nơi ở của Phan Thị Kim H, tại địa chỉ: 59/44 đường H, phường T, thành phố B và phát hiện nhiều tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng với lãi suất cao để thu lợi bất chính của H. Tại cơ quan điều tra, Phan Thị Kim H đã khai nhận:

Khoảng đầu năm 2021, Phan Thị Kim H đi đến khu vực chợ P thuật phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tìm những người buôn bán tại chợ có nhu cầu vay tiền để thực hiện hoạt động cho vay. H sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu Đen, gắn số Cê bao 0936.176.312 để liên lạc với người vay. Khi có người liên hệ vay tiền, H không đi xác minh nơi ở và cũng không giữ giấy tờ, tài sản của người vay. Số tiền H cho vay dao động từ 2.700.000 đồng đến 35.000.000 đồng/người/lần, vay theo hai hình thức: Vay tiền góp và vay tiền đứng. Đối với hình thức vay tiền góp, H thỏa Cậ với người vay thời hạn vay từ 30 ngày đến 100 ngày, trả tiền gốc và lãi từ 1,4% đến 3,7%/ ngày/ tổng số tiền vay; nếu vay khoản trả góp trong 100 ngày thì chỉ phải đóng tiền gốc và tiền lãi trong 90 ngày đầu, còn 10 ngày cuối chỉ trả tiền gốc mà không phải đóng lãi; chưa hết thời gian trả nợ mà người vay có nhu cầu vay thêm (đáo hạn), thì H tiếp tục tính phí như trên và trừ số tiền còn nợ của lần vay trước đó. Đối với hình thức vay tiền đứng, B ngày người vay đóng lãi là từ 3%/ tổng số tiền vay trở lên, tùy theo gói vay cụ thể, khi nào trả

hết tiền gốc thì không cần đóng tiền lãi. Quá trình cho vay, H sử dụng nhiều cuốn vở ô ly làm sổ ghi chép quản lý số tiền vay và sử dụng xe mô tô hiệu Attila, màu sơn Đen, biển số 47P8 - 9737 trực tiếp đi đến chợ P để C tiền của khách vay.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2021, bị cáo H đã cho 07 người dân trên địa bàn thành phố B vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để Thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Đặng Thị Song X, sinh năm: 1982, trú tại: 11A đường T, phường T, thành phố B.

- Khoản vay thứ 01: Ngày 29/3/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 50.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 20.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đã đóng đủ tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.553.425 đồng.

- Khoản vay thứ 02: Ngày 25/6/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 40.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đã đóng đủ tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 3.106.849 đồng.

- Khoản vay thứ 03: Ngày 29/6/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 50.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 20.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đã đóng đủ tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.553.425 đồng.

- Khoản vay thứ 04: Ngày 13/7/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 80.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đã đóng đủ tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng.

- Khoản vay thứ 05: Ngày 12/8/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trước đó chị X còn nợ bị cáo H 2.942.000 đồng nên H cộng tổng số tiền của khoản vay này thành 22.942.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 80.000 đồng tương ứng lãi suất **127%/01 năm**. Chị X đóng đủ tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, tiền lãi hợp pháp là 1.131.386 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 6.068.614 đồng.

- Khoản vay thứ 06: Ngày 01/10/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 40.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đóng được 61 ngày cả gốc và lãi, tiền lãi hợp pháp là 334.247 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 2.105.753 đồng. Chị X nợ lại số tiền gốc là 3.900.000 đồng.

- Khoản vay thứ 07: Ngày 20/10/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 80.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đóng được 34 ngày cả gốc và lãi, tiền lãi hợp pháp là 372.603 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 2.347.397 đồng. Chị X nợ lại số tiền gốc là 13.200.000 đồng.

- Khoản vay thứ 08: Ngày 19/11/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 80.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị X đóng được 13 ngày cả gốc và lãi, tiền lãi hợp pháp là 142.466 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 897.534 đồng. Chị X nợ lại số tiền gốc là 17.400.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị X vay 08 lần là 112.942.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 3.953.304 đồng, Thu lợi bất chính là **23.846.696 đồng**. Chị X nợ lại số tiền gốc là 34.500.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1975, trú tại: 144 đường N, phường T, thành phố B:

- Khoản vay thứ 01: Ngày 26/7/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả lãi trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 167.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng tương ứng lãi suất 121.67%/01 năm. Chị T đóng đủ 60 ngày, số tiền là 12.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng

- Khoản vay 02: Ngày 03/8/2021, vay góp số tiền 10.800.000 đồng, trả lãi trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 360.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng tương ứng lãi suất 135%/01 năm. Chị T đóng được 24 ngày thì đáo hạn khoản vay tiếp theo nên xem như khoản vay này chị T đã đóng đủ, tiền lãi hợp pháp là 177.534 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.022.466 đồng.

Từ ngày 10/8/2021 đến ngày 07/12/2021, chị T đáo hạn tổng cộng 20 lần với số tiền vay và lãi xuất như trên, tiền lãi hợp pháp là 3.550.680 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 20.449.320 đồng.

Ngày 11/12/2021, vay góp số tiền 10.800.000 đồng, trả lãi trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 360.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng tương ứng lãi suất 135%/01 năm. Chị T đóng được 04 ngày, số tiền là 1.600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 23.671 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 136.329 đồng. Chị T nợ lại số tiền gốc là 9.360.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị T vay là 247.600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 4.080.652 đồng, Thu lợi bất chính là 23.279.348 đồng. Chị T nợ lại số tiền gốc là 9.360.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1958, trú tại: 169/2 đường N, phường T, thành phố B.

- Khoản vay 1: Ngày 12/7/2021, vay số tiền đứng 15.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 60.000 đồng tiền lãi tương ứng lãi suất **146%/01 năm**. Chị Th đóng được 150 ngày tiền lãi, số tiền là 9.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.232.877 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 7.767.123 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó, đến ngày 12/12/2021, chị Th trả được 5.000.000 đồng tiền gốc nên còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc, mỗi ngày đóng 40.000 đồng tiền lãi, chị Th đóng được 06 ngày, số tiền là 240.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 32.877 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 207.123 đồng.

- Khoản vay 2: Ngày 17/8/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 167.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng tương ứng lãi suất **121.67%/01 năm**. Chị Th đóng đủ 60 ngày, số tiền là 12.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

- Khoản vay 03: Ngày 25/8/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 167.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng tương ứng lãi suất **121.67%/01 năm**. Chị Th đóng đủ 60 ngày, số tiền là 12.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

- Khoản vay 04: Ngày 15/10/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng tương ứng lãi suất **121.67%/01 năm**. Chị Th đóng đủ 60 ngày, số tiền là 24.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

- Khoản vay 05: Ngày 12/12/2021, vay góp số tiền 20.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 400.000, trong đó tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng tương ứng lãi suất **121.67%/01 năm**. Chị Th đóng được 06 ngày, số tiền là 2.400.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 334.249 đồng. Chị Th còn nợ lại số tiền gốc là 18.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị Th vay là 75.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.853.698 đồng, Thu lợi bất chính số tiền **14.993.427 đồng**. Chị Th còn nợ lại số tiền gốc là 28.000.000 đồng.

4. Lê Thị Thu B, sinh năm: 1983, trú tại: 133/6B đường N, phường T, thành phố B.

- Khoản vay 01: Ngày 16/9/2021, vay góp số tiền 35.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 350.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 140.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/năm**. Chị B đóng đủ gốc và 90 ngày tiền lãi, số tiền lãi hợp pháp là 1.726.027 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 10.873.973 đồng.

- Khoản vay 02: Ngày 01/10/2021, vay đứng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 60.000 đồng/01 ngày tương ứng lãi suất **109,5%/năm**, chị B đóng được 75 ngày tiền lãi, số tiền là 4.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng. Chị B còn nợ lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Khoản vay 03: Ngày 05/12/2021, vay góp số tiền 35.000.000 đồng, trả gốc trong 100 ngày, mỗi ngày đóng 350.000 đồng, trả lãi trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 140.000 đồng tương ứng lãi suất **146%/năm**. Chị B đóng được 11 ngày tiền gốc và lãi, số tiền lãi hợp pháp là 210.959 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 1.329.041 đồng. Chị B còn nợ lại số tiền gốc là 31.150.000 đồng.

Tổng số tiền H cho chị B vay là 90.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.758.904, Thu lợi bất chính là **15.881.096 đồng**. Chị B còn nợ lại số tiền gốc là 51.150.000 đồng.

5. Đinh Thị Mai C, sinh năm: 1984, trú tại: 26 đường L, phường T, thành phố B.

- Khoản vay 01: Ngày 02/11/2021, vay góp số tiền 5.400.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 180.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng, tương ứng lãi suất **135%/01 năm**. Chị C đóng được 02 ngày, số tiền là 400.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 5.918 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 34.082 đồng. Chị C còn nợ lại số tiền gốc là 5.040.000 đồng.

- Khoản vay 02: Ngày 24/11/2021, vay góp số tiền 10.800.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 360.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng, tương ứng lãi suất **135%/01 năm**. Chị C đóng được 21 ngày số tiền là 8.400.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 124.274 đồng, tiền Thu lợi bất chính là 715.726 đồng. Chị C còn nợ lại số tiền gốc là 3.240.000 đồng.

- Khoản vay 03: Ngày 08/12/2021, vay góp số tiền 5.400.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng trong đó tiền gốc là 180.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng, tương ứng lãi suất **135%/01 năm**. Chị C đóng được 08 ngày, số tiền là 1.600.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 23.671 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 136.329 đồng. Chị C còn nợ lại số tiền gốc là 3.960.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị C vay là 21.600.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 153.863 đồng, Thu lợi bất chính là **886.137 đồng**. Chị C còn nợ lại số tiền gốc là 12.240.000 đồng.

6. Chị Trần Thị D, sinh năm: 1964, trú tại: 133/01 Nơ Trang Guh, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột.

- Khoản vay 01: Ngày 06/6/2021, vay góp số tiền 17.800.000 đồng, đóng trong 356 ngày, mỗi ngày đóng 50.000 đồng tiền gốc và 20.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất 41.01%/01 năm, gấp 02 lần lãi suất cao nhất theo lãi suất quy định của Nhà nước nên đối với khoản vay này không đề cập xử lý đối với bị cáo H,

chị D đóng được 120 ngày cả gốc và lãi, số tiền là 8.400.000 đồng, còn nợ lại 9.400.000 đồng.

- Khoản vay 02: Ngày 18/8/2021, vay góp số tiền 6.000.000 đồng, trả trong 70 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng tương ứng lãi suất 86.9%/01 năm, gấp 4,345 lần lãi suất cao nhất theo lãi suất quy định của Nhà nước nên đối với khoản vay này không đề cập xử lý đối với bị cáo H. Khoản vay này chị D đóng đủ 70 ngày.

- Khoản vay 03: Ngày 22/8/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/01 năm**. Chị D đóng đủ, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

- Khoản vay 04: Ngày 05/10/2021, vay góp số tiền 10.000.000 đồng, trả trong 60 ngày, mỗi ngày đóng 260.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 93.333 đồng tương ứng với lãi suất **340.67%/01 năm**. Chị D đóng được 08 ngày, số tiền là 2.080.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 43.836 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 702.831 đồng. Chị D còn nợ lại số tiền gốc là 8.666.664 đồng.

- Khoản vay 05: Ngày 09/10/2021, chị D vay thêm 1.000.000 đồng, chưa tính lãi suất nên bị cáo H cộng tất cả số tiền còn nợ của khoản vay trước đó thành 26.070.000 đồng, trả góp trong 390 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 66.846 đồng, tiền lãi là 33.154 đồng tương ứng với lãi suất 46.417%/01 năm, gấp 2,32 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước nên khoản vay này không đề cập xử lý đối với bị cáo H, chị D đóng được 41 ngày, số tiền là 4.100.000 đồng.

- Khoản vay 06: Ngày 13/11/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Khoản vay này chị D đã đóng đủ 30 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

- Khoản vay 07: Ngày 27/11/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Chị D đóng được 19 ngày thì đáo hạn khoản vay tiếp theo nên xem như khoản vay này chị D đã đóng đủ, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng. Ở khoản vay đáo hạn chị D đóng được 05 ngày, số tiền lãi hợp pháp là 7.397 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 42.603 đồng. Chị D còn nợ lại số tiền gốc là 2.250.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị D vay là 42.900.000 đồng (trong đó có 22.100.000 đồng tiền gốc không đủ xử lý và 20.800.000 đồng tiền gốc đủ xử lý), tiền lãi hợp pháp là 184.384 đồng, Thu lợi bất chính 1.512.282. Chị D còn nợ lại số tiền gốc là 10.916.664 đồng

7. Hoàng Thị Y, sinh năm: 1961, trú tại: Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B.

- Khoản vay 01: Ngày 30/4/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 30 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

- Khoản vay 02: Ngày 13/5/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 30 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

- Khoản vay 03: Ngày 17/5/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng tương ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 90 ngày, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 1.053.425 đồng.

- Khoản vay 04: Ngày 18/6/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng tương ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 90 ngày, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 1.053.425 đồng.

- Khoản vay 05: Ngày 25/6/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Khoản vay này chị Y đóng được 21 ngày thì đáo hạn khoản vay tiếp theo nên xem như khoản vay này chị Y đã đóng đủ, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

Từ ngày 3/7/2021 đến ngày 02/8/2021, chị Y đáo hạn thêm 02 lần với số tiền vay và lãi xuất như trên. Số tiền lãi hợp pháp là 88.768, Thu lợi bất chính 511.232 đồng.

- Khoản vay 06: Ngày 14/8/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng tương ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng được 13 ngày, số tiền là 910.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 36.616 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 151.156 đồng, còn nợ lại 4.277.772 đồng tiền gốc.

- Khoản vay 07: Ngày 17/8/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là

10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. khoản vay này chị Y đã đóng đủ 30 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng

- Khoản vay 08: Ngày 28/8/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng tương ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đóng đủ 90 ngày, số tiền là 6.300.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 1.053.425 đồng.

- Khoản vay 09: Ngày 06/9/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**, Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 30 ngày, số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 44.384 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 255.616 đồng.

- Khoản vay 10: Ngày 15/9/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Chị Y đóng được 03 ngày, số tiền là 300.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 4.438 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 25.562 đồng. Chị Y còn nợ lại số tiền gốc là 2.430.000 đồng.

- Khoản vay 11: Cùng ngày 15/9/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng tương ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đã đóng đủ 90 ngày, số tiền là 6.300.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 1.053.425 đồng.

- Khoản vay 12: Ngày 26/11/2021, vay góp số tiền 5.000.000 đồng, trả trong 90 ngày, mỗi ngày đóng 70.000 đồng tương, trong đó tiền gốc là 55.556 đồng, tiền lãi là 14.444 đồng ứng với lãi suất **105%/năm**. Khoản vay này chị Y đóng được 19 ngày, số tiền là 1.330.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 52.055 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 222.381 đồng. Chị Y còn nợ lại số tiền gốc là 3.944.436 đồng.

- Khoản vay 13: Ngày 05/12/2021, vay góp số tiền 2.700.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 90.000 đồng, tiền lãi là 10.000 đồng tương ứng với lãi suất **135%/năm**. Chị Y đóng được 13 ngày, số tiền là 1.300.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 19.233 đồng, số tiền Thu lợi bất chính là 110.767 đồng. Chị Y còn nợ lại số tiền gốc là 1.530.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H cho chị Y vay là 54.300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.409.330 và Thu lợi bất là **6.512.878 đồng**. Chị Y còn nợ lại số tiền gốc là 12.182.208 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Phan Thị Kim H cho 07 người vay là 622.242.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 15.394.135 đồng, thu lợi bất chính 86.911.864 đồng.

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS -TPBMT ngày 23/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phan Thị Kim H về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự ;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị Kim H về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị:

- *Về hình phạt:*

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Bị cáo Phan Thị Kim H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS. Đề nghị phạt tiền bị cáo Phan Thị Kim H 30.000.000đ đồng đến 40.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo Phan Thị Kim H còn cho một người tên C cá (chưa rõ nhân thân, lai lịch) vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để Thu lợi bất chính, với 04 lượt vay, tổng số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Các biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 158.348.872 đồng là tiền gốc những người vay còn nợ lại bị cáo Phan Thị Kim H, trong đó: Chị Đặng Xong X số tiền 34.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị C T số tiền 9.360.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th số tiền 28.000.000 đồng; chị Lê Thị C B số tiền 51.150.000 đồng; chị Định Thị Mai C số tiền 12.240.000 đồng; chị Trần Thị D số tiền 10.916.664 đồng và chị Hoàng Thị Y số tiền 12.182.208 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Phan Thị Kim H sử dụng phạm tội nên cần truy thu của chị Đặng Xong X, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị Thu B, chị Định Thị Mai C, chị Trần Thị D, chị Hoàng Thị Y để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 622.242.000 đồng tiền gốc và 15.394.135 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 637.636.135 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Phan Thị Kim H sử dụng phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 637.636.135 đồng để sung ngân sách Nhà nước khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã tạm giữ và số tiền 158.348.872 đồng

(là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo H), bị cáo Phan Thị Kim H còn bị truy thu số tiền 474.287.263 đồng.

+ Về vật chứng:

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động Oppo F7, màu Đen và 01 máy tính Casio fx – 570MS, màu Đen, là tài sản của bị cáo Phan Thị Kim H, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 cây bút bi, loại bút mực Xanh, trên bút có dán nhãn có chữ TL-027, là công cụ bị cáo Phan Thị Kim H, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, pentium R Dual Core CPU T4300 @ 2.1GHz, Ram 2Gb, màu Đen; 01 xe mô tô hiệu Attilas, số loại VTF, màu Đen, biển số 47P8-9737, dung tích xi lanh 124, số khung H125MD9D003005, số máy VTFAD003005. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản chung của bị cáo Phan Thị Kim H và anh Lữ Tấn A, việc bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội anh A không biết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 21/01/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, trị giá 500.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Attilas, biển số 47P8-9737, trị giá 2.200.000 đồng, tổng trị giá 2.700.000 đồng. Do đó, cần truy thu của bị cáo H số tiền 1.350.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước và tiếp tục tạm giữ máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron và xe mô tô hiệu Attilas, biển số 47P8-9737 để đảm bảo công tác thi hành án, là phù hợp.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng là tiền bị cáo Phan Thị Kim H thu của người vay vào ngày 17/12/2021. Quá trình điều tra xác định, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 08 cuốn vở học sinh (loại vở ô ly) là chứng cứ thể hiện việc bị can Phan Thị Kim H thực hiện hành vi phạm tội nên cần chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử là phù hợp.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra xác định số tiền 86.911.864 đồng là tiền bị cáo Phan Thị Kim H C lời bất chính của những người vay nên cần buộc bị cáo Phan Thị Kim H hoàn trả lại cho những người vay cụ thể trả chị Đặng Thị Song X số tiền 23.846.696 đồng, chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 23.279.348 đồng, chị Nguyễn Thị Th số tiền 14.993.427 đồng, chị Lê Thị Thu B số tiền 15.881.096 đồng, chị Đinh Thị Mai C số tiền 886.137 đồng, chị Trần Thị D số tiền 1.512.282 đồng, và chị Hoàng Thị Y số tiền 6.512.878 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Kim H không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Do ý thức coi thường pháp luật và coi thường quyền quản lý của Nhà nước về kinh tế nên từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021, tại khu vực chợ P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Phan Thị Kim H đã cho 07 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: chị Đặng Thị Song X, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị Thu B, chị Đinh Thị Mai C, chị Trần Thị D và chị Hoàng Thị Y, vay tổng số tiền 622.242.000 đồng, theo hình thức trả tiền góp và trả tiền đứng với lãi suất từ 105%-146%, gấp từ 5,25 đến 7,3 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, Thu lợi bất chính tổng số tiền 86.911.864 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Phan Thị Kim H về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”.

[3] Xét hành vi của bị cáo tuy đơn giản nA nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bị cáo nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nA vì hám lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Cho nhiều người vay tổng số tiền 622.242.000 đồng, theo hình thức trả tiền góp và trả tiền đúng với lãi suất từ 105%-146%, gấp từ 5,25 đến 7,3 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 86.911.864 đồng nên cần phải xử lý nghiêm để bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt, cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và Cộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phan Thị Kim H cho vay lãi nặng và Thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 35.000.000đ là phù hợp.

Do bị cáo không có nghề nghiệp và C nhập ổn định nên không khấu trừ C nhập của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[6.1] Đối với số tiền 158.348.872 đồng là tiền gốc những người vay còn nợ lại bị cáo Phan Thị Kim H, cụ thể: Chị Đặng Xong X số tiền 34.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị C T số tiền 9.360.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th số tiền 28.000.000 đồng; chị Lê Thị C B số tiền 51.150.000 đồng; chị Đinh Thị Mai C số tiền 12.240.000 đồng; chị Trần Thị D số tiền 10.916.664 đồng và chị Hoàng Thị Y số tiền 12.182.208 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Phan Thị Kim H sử dụng phạm tội nên cần truy thu của chị Đặng Xong X, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị Thu B, chị Đinh Thị Mai C, chị Trần Thị D, chị Hoàng Thị Y để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 622.242.000 đồng tiền gốc và 15.394.135 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 637.636.135 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Phan Thị Kim H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 637.636.135 đồng để sung ngân sách Nhà nước khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã tạm giữ và số tiền 158.348.872 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo H), bị cáo Phan Thị Kim H còn bị truy thu số tiền 474.287.263 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền 86.911.864 đồng bị cáo Thu lợi bất chính, trong đó: Chị Đặng Thị Song X số tiền 23.846.696 đồng, chị Nguyễn Thị C T số tiền 23.279.348

đồng, chị Nguyễn Thị Th số tiền 14.993.427 đồng, chị Lê Thị C B số tiền 15.881.096 đồng, chị Đinh Thị Mai C số tiền 886.137 đồng, chị Trần Thị D số tiền 1.512.282 đồng, và chị Hoàng Thị Y số tiền 6.512.878 đồng. Cần buộc bị cáo Phan Thị Kim H hoàn trả lại cho chị Đặng Thị Song X, chị Nguyễn Thị C T, chị Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị C B, chị Đinh Thị Mai C, chị Trần Thị D và chị Hoàng Thị Y.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động Oppo F7, màu Đen và 01 máy tính Casio fx – 570MS, màu Đen, là tài sản của bị cáo Phan Thị Kim H, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 cây bút bi, loại bút mực Xanh, trên bút có dán nhãn có chữ TL-027, là công cụ bị cáo Phan Thị Kim H, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, pentium R Dual Core CPU T4300 @ 2.1GHz, Ram 2Gb, màu Đen; 01 xe mô tô hiệu Attilas, số loại VTF, màu Đen, biển số 47P8-9737, dung tích xi lanh 124, số khung H125MD9D003005, số máy VTFAD003005. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản chung của bị cáo Phan Thị Kim H và anh Lữ Tấn A, việc bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội anh A không biết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 21/01/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, trị giá 500.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Attilas, biển số 47P8-9737, trị giá 2.200.000 đồng, tổng trị giá 2.700.000 đồng. Do đó, cần truy thu của bị cáo H số tiền 1.350.000 đồng là ½ trị giá các tài sản trên để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7] Bị cáo Phan Thị Kim H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Kim H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Kim H 01(một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/12/2021 đến ngày 27/12/2021 (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Phan Thị Kim H còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phan Thị Kim H tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phan Thị Kim H.

Giao bị cáo Phan Thị Kim H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[2] **Các biện pháp tư pháp và vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

+ Buộc bị cáo Phan Thị Kim H phải trả số tiền đã Thu lợi bất chính cho những người có tên và số tiền cụ thể như sau:

Trả chị Đặng Thị Song X số tiền 23.846.696 đồng (Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn sáu ngàn, sáu trăm chín sáu đồng), chị Nguyễn Thị Th T số tiền 23.279.348 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, ba trăm bốn tám đồng), chị Nguyễn Thị Th số tiền 14.993.427 đồng (mười bốn triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm hai bảy đồng), chị Lê Thị Thu B số tiền 15.881.096 đồng (Mười năm triệu, tám trăm tám một ngàn, không trăm chín sáu đồng), chị Đinh Thị Mai C số tiền 886.137 đồng (Tám trăm tám sáu ngàn, một trăm ba bảy đồng), chị Trần Thị D số tiền 1.512.282 đồng (Một triệu năm trăm mười hai ngàn, hai trăm tám hai đồng), và chị Hoàng Thị Y số tiền 6.512.878 đồng (Sáu triệu năm trăm mười hai ngàn, tám trăm bảy tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Phan Thị Kim H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Truy thu của chị Đặng Xong X số tiền 34.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị C T số tiền 9.360.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th số tiền 28.000.000 đồng; chị Lê Thị C B số tiền 51.150.000 đồng; chị Đinh Thị Mai C số tiền 12.240.000 đồng; chị Trần Thị D số tiền 10.916.664 đồng và chị Hoàng Thị Y số tiền 12.182.208 đồng. Tổng cộng là 158.348.872 đồng (Một trăm năm tám triệu, ba trăm bốn tám ngàn, tám trăm bảy hai đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 479.287.263 đồng để sung ngân sách Nhà nước khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã tạm giữ. Bị cáo Phan Thị Kim H còn bị truy thu số tiền 474.287.263 đồng (Bốn trăm bảy bốn triệu, hai trăm tám bảy ngàn, hai trăm sáu ba đồng).

Truy thu để sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) là ½ giá trị 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, pentium R Dual Core CPU T4300 @ 2.1GHz, Ram 2Gb, màu Đen; và 01 xe mô tô hiệu Attilas, số loại VTF, màu Đen, biển số 47P8-9737, dung tích xi lanh 124, số khung H125MD9D003005, số máy VTFAD003005.

Trả lại bị cáo Phan Thị Kim H và ông Lữ Tấn A 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell Inspiron, pentium R Dual Core CPU T4300 @ 2.1GHz, Ram 2Gb, màu Đen; và 01 xe mô tô hiệu Attila, số loại VTF, màu Đen, biển số 47P8-9737, dung tích xi lanh 124, số khung H125MD9D003005, số máy VTFAD003005, nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Phan Thị Kim H 01 chiếc điện thoại di động Oppo F7, màu Đen và 01 máy tính Casio fx – 570MS, màu Đen.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây bút bi, loại bút mực Xanh, trên bút có dán nhãn có chữ TL-027.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/4/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phan Thị Kim H phải phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.345.000đ (Bốn triệu ba trăm bốn lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Cạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND TP. BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an TP. BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

